

TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 184/2025/DS-PT
Ngày 04 tháng 9 năm 2025
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương
Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 8 năm 2025 và ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 546/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1968;

2. Ông Danny Le N, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: W, E L, N (Hà Lan).

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ánh D, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: Số A N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số F đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Thanh T1, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: D đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

(Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Phan Tấn L, sinh năm 1957. Văn phòng Luật sư Phan Tấn L - thuộc Đoàn luật sư thành phố C (có mặt);

Địa chỉ: C phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường T, thành phố Cần Thơ).

2. Bà Dương Thị M1, sinh năm 1934 (chết năm 2024)

Địa chỉ: số C đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M1:

- Ông Nguyễn Văn L1;

Địa chỉ: M, 5701 KL H, N (Hà Lan).

- Bà Nguyễn Ngọc D1;

Địa chỉ: A, E LX H, N (Hà Lan).

- Ông Nguyễn Văn C (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Ngọc N1 (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn C1 (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Đức T2 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: số C đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Rosamarijin N2, sinh năm 1992;

Địa chỉ: W, E L, N (Hà Lan).

Người đại diện ủy quyền của bà Rosamarijin N2: Bà Nguyễn Ánh D, sinh năm 1952 (có mặt);

Địa chỉ: Số A N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ).

2. Ông Nguyễn Văn C1 (vắng mặt);

Địa chỉ: số C đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ).

3. Bà Bạch Thị P (vắng mặt);

Địa chỉ: A đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (nay là phường N, thành phố Cần Thơ).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là bà Lê Thị Tuyết M, ông Danny Le N; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Rosamarijin N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M trình bày:

Vào năm 2005, chồng bà M là ông Nguyễn Văn C2 (K) sinh năm 1960 (mất năm 2014), có vay tiền Ngân hàng ở Hà Lan và lấy tiền dành dụm của vợ chồng bà đem về Việt Nam mua 01 nền nhà 80m², tại thửa số 105, tờ bản đồ số 18, tọa lạc khu vực T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nhờ mẹ ruột (bà Dương Thị M1) đứng tên giữ. Sau đó ông Nguyễn Văn C2 mắc bệnh hiểm nghèo đã chết, trước đó ông C2 có cho bà M biết và kêu bà về Việt Nam lấy tiền và bán đất để lo cho các con. Mẹ con bà M về Việt Nam yêu cầu giao lại tiền hoặc cho bà bán đất nhưng các em chồng viện nhiều lý do là “Khi bán đất phải có chữ ký của cha chồng bà mới được, mà cha chồng không đồng ý đi chung với mẹ” và khuyên bà “Yên tâm, đất của anh K thì sẽ giao lại cho con anh K”; sau đó bà H đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M giữ để yên lòng, nên mẹ con bà H về Hà Lan.

Sau nhiều lần về Việt Nam trao đổi thì người em chồng Nguyễn Ngọc H nói khi nào D2 (con trai bà) 18 tuổi thì mới giao tiền. Lần sau cùng vào giữa năm 2018, Nguyễn Ngọc H nói: “Đến khi D2 Lê Nguyen tròn 18 tuổi phải coi đảng hoàng mới giao, nếu không đảng hoàng không giao tiền, đất, đồng thời không cho mẹ con bà gặp mặt bà nội (mẹ chồng bà)”.

Lúc chồng bà chết, bà Nguyễn Ngọc H còn giữ của ông Nguyễn Văn C2 số tiền 1.148.305.000 đồng, nhưng năm 2015 đã giao cho con gái bà là Rosa Mariyn Nguyen số tiền 500.000.000 đồng, còn phần 648.305.000 đồng của D3 giữ lại không giao.

Hiện nay, bà M đang thất nghiệp, chưa có công việc ổn định, 01 tuần làm việc 03 ngày, cuộc sống khó khăn, không đủ tiền lo cho Danny Lê N3 đi học.

Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H giao làm tin, khi hỏi luật sư mới biết đó chỉ là tờ giấy photo màu, không có giá trị pháp lý. Nay bà M khởi kiện yêu cầu giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm giao trả 648.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/4/2013 (lãi suất kỳ hạn 01 năm theo ngân hàng) cho cháu Danny Lê N3 (sinh ngày 05/11/2003).

- Buộc bà Nguyễn Ngọc H, bà Dương Thị Mỹ G trả giá trị đất theo thị trường hoặc ký thủ tục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích

80m² (đất ở đô thị) tại thửa số 105, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khu vực T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Danny Lê N3 là bà Nguyễn Ánh D trình bày: Vào năm 2019, anh được mẹ là bà Lê Thị Tuyết M giám hộ khởi kiện đòi bà Nguyễn Ngọc H phải giao trả lại số tiền 648.000.000 đồng và tiền lãi. Tháng 11/2022, anh Danny Lê N3 đã tròn 18 tuổi nên tiếp tục yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H trả số tiền 648.000.000 đồng và tiền lãi gởi theo lãi suất ngân hàng từ năm 2016 đến ngày Toà án giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày: Bà H không giữ khoản tiền nào của anh bà là Nguyễn Văn C2, nên bà H không đồng ý với yêu cầu của bà M. Đồng thời, bà Dương Thị M1 là mẹ của bà H đã lớn tuổi nên bà H sẽ thay mẹ cung cấp địa chỉ của các anh em của bà H cho Tòa án.

Bị đơn bà Dương Thị M1 trình bày: Bà M1 cho rằng bà Lê Thị Tuyết M là vợ của Nguyễn Văn C2, con trai thứ ba của bà. Qua yêu cầu khởi kiện của bà M, phía bà M1 không đồng ý vì bà M1 không đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho con trai bà là ông C2. Bà M1 chung sống với chồng là ông Nguyễn Q (đã chết năm 2020), có 10 người con, 02 người đã chết từ nhỏ, còn lại 08 người: Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C2, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc D1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Đức T2, bà sẽ cung cấp địa chỉ sau.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C1 trình bày: Vào khoảng năm 2020, bà Nguyễn Ngọc H cho ông xây dựng một căn nhà trệt trên thửa đất 105, tờ bản đồ số 18, khu dân cư H, Quốc lộ I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ, để ở. Cho nên căn nhà trên đất tranh chấp là của ông C1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông C1 xin vắng mặt trong các buổi làm việc, xét xử của Tòa án các cấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M đối với bị đơn Nguyễn Ngọc H, bà Dương Thị M1 (có người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng Nguyễn Văn L1, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc D1, Nguyễn Ngọc N1, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Đức T2) về việc:

- Buộc bà Nguyễn Ngọc H, bà Dương Thị M1 liên đới giao trả giá trị đất theo thị trường hoặc ký thủ tục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 80m² (đất ở đô thị) tại thửa số 105, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khu vực T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cho nguyên đơn.

- Buộc bà Nguyễn Ngọc H có trách nhiệm giao trả 648.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/4/2013 (lãi suất kỳ hạn 01 năm theo ngân hàng) cho cháu Danny Lê N3 (sinh ngày 05/11/2003).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2024, Lê Thị Tuyết M, ông Danny Le N, bà Rosamarijn N4 (có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Ánh D) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của những người kháng cáo là bà Nguyễn Ánh D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc H (có ông Lê Thanh T1 là đại diện theo ủy quyền) và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn giữ nguyên nội dung đã trình bày, không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm tố tụng khi không trưng cầu giám định giọng nói của bà H trong file ghi âm, gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà Lê Thị Tuyết M, ông Danny Le N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Rosamarijn N2 được nộp trong hạn luật định, đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự và người đại diện hợp pháp của các đương sự vắng mặt nhưng thuộc trường hợp đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết M trình bày: Nhà đất có diện tích 80m² (đất ở đô thị) tại thửa số 105, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại khu vực T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ là do ông Nguyễn Văn C2 (chồng của bà M) gửi tiền từ nước ngoài về Việt Nam nhờ bà Dương Thị M1 (mẹ ruột ông C2) mua và đứng tên giùm. Ngoài ra, bà Nguyễn Ngọc H còn đang giữ số tiền 648.305.000 đồng của D3 (con của bà M và ông C2). Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải trả lại nhà đất và số tiền nêu trên.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm:

- 02 điện thoại Iphone đã cũ bị hư, bà M đã đem sửa chữa phục hồi lại tình trạng máy giao cho Tòa án.

- 06 USB, 01 đĩa DVC có nội dung sao chép lại nội dung ghi âm trên điện thoại bà M cung cấp.

- Tài liệu sao chép nội dung ghi âm.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/01/2005, xác định bà Bạch Thị P chuyển nhượng cho bà Dương Thị M1 đối với thửa đất số 105, diện tích 80m²; Biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2013 đối với bà Bạch Thị P; Nội dung ghi âm được bà M diễn giải lại, nhận thấy tên những người nói lời hội thoại là bà M tự ghi ra, chưa có tài liệu chứng cứ chứng minh những người này thực sự đã nói lời hội thoại trên. Bà M cho rằng giọng nói của bà H trong các cuộc hội thoại đã thừa nhận còn giữ tài sản của ông C2 nên đồng ý sẽ trả lại nên yêu cầu giám định giọng nói của bà H nhưng phía bị đơn không đồng ý việc thu âm giọng nói để thực hiện giám định, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nhận định và quyết định nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa đủ căn cứ, bởi:

- Theo nội dung trình bày và yêu cầu của nguyên đơn thì số tiền để nhận chuyển nhượng thửa đất số 105 của ông C2. Vậy, vấn đề cần phải chứng minh làm rõ trong vụ án này là nguồn gốc số tiền của bà M1 khi nhận chuyển nhượng thửa đất số 105 từ bà P là từ đâu, nhưng các tài liệu chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chỉ thể hiện việc bà M1 có nhận chuyển nhượng thửa đất số 105 từ bà P vào năm 2005 và quá trình quản lý, sử dụng sau khi nhận chuyển nhượng.

Tòa án cần thu thập lời khai và tài liệu chứng cứ làm rõ các nội dung sau: Chứng cứ chứng minh ông C2 có vay tiền ngân hàng tại Hà Lan tại thời điểm năm 2004 - 2005 (nếu có)? Ông C2 gửi tiền về Việt Nam (nếu có) bằng hình thức nào, số tiền gửi là bao nhiêu và ai là người nhận tiền? Nguồn tiền của bà M1 để nhận chuyển nhượng thửa đất số 105 vì thời điểm năm 2005 bà M1 đã hơn 70 tuổi (sinh năm 1934)? Khi bà M1 nhận chuyển nhượng thửa đất trên, thì những người con còn lại của bà M1 (ngoài ông C2, bà H) có biết và có ý kiến như thế nào khi bà M1, ông Q tặng cho phần đất trên cho bà H?.. để làm căn cứ xác định đúng bản chất vụ việc.

- Trong các chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện có các file ghi âm, mà theo nguyên đơn là nội dung trao đổi giữa mẹ con bà M với bà H. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định giọng nói của bà H nhưng do bà H từ chối thu thập giọng nói để so sánh, nên việc giám định không thực hiện được. Xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 91 và 102 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn đã thực hiện việc cung cấp chứng cứ chứng minh. Việc bà H từ chối thu thập giọng nói, dẫn đến không có căn cứ xác định giọng nói trong file ghi âm, không phải là lỗi của nguyên đơn.

Trong trường hợp này, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán ra quyết định trưng cầu giám định. Trong quyết định trưng cầu giám định phải ghi rõ tên, địa chỉ của người giám định, đối tượng cần giám định, vấn đề cần giám định, các yêu cầu cụ thể cần có kết luận của người giám định”*, thì Tòa án phải thực hiện việc trưng cầu giám định; Nếu bà H từ chối không hợp tác, thì Tòa án sẽ giải quyết vụ án theo các chứng cứ đã thu thập được và bà H phải được xác định là không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do không có căn cứ xác định giọng nói của bà H trong file ghi âm (do không thực hiện việc trưng cầu giám định) để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[6] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu, chứng cứ không đầy đủ ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, hủy bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

[7] Bản án sơ thẩm bị hủy do chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử chưa xem xét đến nội dung vụ án.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Lê Thị Tuyết M, ông Danny Le N; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Rosamarijin N2;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2024/DS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ; Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Tuyết M, ông Danny Le N, bà Rosamarijin N2 không phải chịu; Hoàn trả mỗi đương sự 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000063 ngày 04/10/2024 (Lê Thị Tuyết M), số 0000165 ngày 12/11/2024 (D3), số 0000113 ngày 15/10/2024 (Rosamarijin Nguyen) của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (nay là Thi hành án dân sự thành phố C).

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự TP. Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu